

Bản án số: 215/2021/HC-PT

Ngày: 27/10/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Tồn

Ông Phạm Việt Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2021/TLPT-HC ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị Hồng N; trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Lê H (Con bà N); trú tại: Xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Có mặt.

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn T T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Ngọc C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Thái B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Vắng mặt.
 - Hợp tác xã nông nghiệp 1 M; địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Vắng mặt.
 - Chị Phạm Thị Hồng N;
 - Chị Phạm Thị Kim L;
 - Chị Phạm Thùy T;
- Cùng trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
- Chị Phạm Thị Hồng V; trú tại: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
 - Chị Phạm Thị P; trú tại: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
- (Chị N, chị L, chị T, chị V và chị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt các phiên tòa - Đơn ngày 15, 7, 27, 30 tháng 9 năm 2020).
- Anh Phạm Lê H; trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định - Có mặt.
 - Ông Phạm Văn T - Vắng mặt.
 - Ông Huỳnh Văn D - Vắng mặt.
 - Ông Nguyễn Văn H - Vắng mặt.
- Cùng trú tại: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện bà Lê Thị Hồng N trình bày:

1. Về quan hệ gia đình: Chồng bà là ông Phạm Văn Đ; ông Đ chết năm 2007. Vợ chồng bà có 06 người con: Phạm Thị Hồng N, Phạm Thị Hồng V, Phạm Thị Kim L, Phạm Thị P, Phạm Lê H, Phạm Thùy T; đồng trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.
2. Về yêu cầu khởi kiện:

Theo bản tự khai đề ngày 30/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2020 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

 - Hủy Văn bản số 33/CV-UBND ngày 02/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Viết tắt là Văn bản 33);
 - Hủy Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (Viết tắt là Quyết định 4644);
 - Hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Viết tắt là Quyết định 2047);
 - Buộc Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Viết tắt là UBND xã M), Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (Viết tắt là UBND huyện P) và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (Viết tắt là UBND tỉnh Bình Định) giao lại và công nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ 299/TTg) có tổng diện tích là 1.600m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định

(nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là 1.705,3m² - Bản đồ địa chính VLAP) cho bà quản lý, sử dụng theo quy định.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2020, bà đã xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà là yêu cầu Tòa án hủy Văn bản 33, Quyết định 4644 và Quyết định 2047.

3. Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là 1.705,3m² (Bản đồ địa chính VLAP) tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định mà hiện nay bà đang thực hiện việc khiếu nại có nguồn gốc là của ông bà cố để lại cho ông ngoại bà là cụ Nguyễn O và em ruột của ông ngoại bà là cụ Nguyễn L quản lý sử dụng từ trước năm 1945 cho đến năm 1965. Sau năm 1965, ông ngoại bà chết và để lại cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị L tiếp tục canh tác, sử dụng; việc ông ngoại bà cho đất mẹ bà không có giấy tờ do trong thời kỳ Pháp thuộc, cha con trong gia đình chỉ nói miệng cho đất và mẹ bà là người con duy nhất của ông ngoại bà.

Mẹ bà canh tác, quản lý, sử dụng bắt đầu từ năm 1965; sau năm 1975, bà với mẹ bà cùng nhau canh tác. Vào năm 2002, do mẹ bà già yếu, bị tai biến và bà là người con duy nhất nên mẹ bà đã làm di chúc để lại toàn bộ tài sản của mẹ bà cho bà, trong đó có các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60. Bà đã nộp di chúc do mẹ bà lập cho Tòa án; nội dung di chúc như sau: “*Hôm nay, tôi già yếu di chúc lại cho con tôi tài sản ruộng đất tôi hiện có, con tôi toàn quyền sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01973 QSDĐ/D6 cấp ngày 20 tháng 6 năm 1997*”. Giấy di chúc nói trên không có ghi ngày tháng năm, mẹ bà làm đơn nhưng có xác nhận của UBND xã M vào ngày 26/9/2002, nội dung chứng thực như sau: “*Bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện lập di chúc này, để lại cho con Lê Thị Hồng N. Sinh năm: 1955 tài sản di chúc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01973...*” Năm 2010, mẹ bà chết.

Từ năm 1977 đến trước năm 1979, mẹ bà và hộ gia đình bà (Bao gồm bà và chồng bà) không phải là xã viên hợp tác xã; mẹ bà và hộ gia đình bà không đưa bất kỳ thửa đất nào của gia đình vào Hợp tác xã. Mẹ bà với gia đình bà là một hộ. Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ gia đình bà đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01973/QSDĐ/D6 ngày 20/6/1997 (Viết tắt là GCN 01973).

Bà xác định là các thửa đất mà hiện nay bà đang khiếu nại đòi lại không phải là các thửa đất mà Nhà nước đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Lý giải về việc các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 không phải là các thửa đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà như sau: Các thửa đất mà hộ gia đình bà đã được Nhà nước cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất là các thửa đất mà hộ gia đình bà đã đóng thuế; còn các thửa đất nói trên nằm trong diện miễn thuế của Hợp tác xã do năng suất thấp, không đủ chi phí để đóng thuế nên bà không làm thủ tục yêu cầu Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mà hiện nay bà đang khiếu nại đòi lại.

Ngoài ra, bà cũng xác định là từ trước đến nay, hộ gia đình bà không thực hiện việc đóng thuế đối với các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 (vì *thuộc diện được miễn thuế của Hợp tác xã*); tại địa phương ai cũng biết các thửa đất này là của bà nên bà không thực hiện việc đăng ký kê khai cũng như trong các giấy tờ về đất đai tại địa phương không có tên hộ gia đình bà là người sở hữu các thửa đất nói trên. Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền và UBND huyện P cấp GCN 01973, hộ gia đình bà không có ai thực hiện việc khiếu nại hoặc có ý kiến gì khác

Sau năm 2007, UBND xã M lấy các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 đem đi đấu giá; thời điểm đó bà đã thu hoạch lúa và chuẩn bị làm mùa mới. Khi nghe thông tin UBND xã M cho đấu giá các đám ruộng nói trên, bà đến chờ trước tại đám ruộng để dành lại không cho đấu giá; tuy nhiên, bà không đủ quyền kháng cự nên bà không dành lại đất được. Sau đó, các ông Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D đã trúng đất giá; UBND xã M đã giao đất cho những người nói trên trồng lúa, keo, bạch đàn. Từ đó đến nay, bà liên tục khiếu nại đòi lại đất nhưng không được và từ năm 2007 cho đến nay, hộ gia đình bà không có canh tác, không trồng bất kỳ cây gì trên đất vì đất đã được giao cho người khác sử dụng. Bà xác định là từ sau năm 1965 cho đến năm 2007, gia đình bà và mẹ bà canh tác liên tục trồng lúa. Ngoài ra, bà cũng xác định là từ trước đến nay, ngoài việc canh tác trồng lúa thì hộ gia đình bà không xây dựng bất kỳ công trình nào trên đất.

Từ năm 1975 cho đến nay, hộ gia đình bà sinh sống tại thôn V, xã M, huyện P; các thửa đất mà hiện nay bà đang khiếu nại đòi lại cũng tại thôn V; còn đất mà Nhà nước cân đối giao quyền cũng ở tại thôn V. Sau 1994, bà có cất thêm 01 ngôi nhà khác ở thôn A, xã M, huyện P và hiện nay bà đang ở nhà tại thôn A. Phần nhà và đất tại thôn V bà vẫn đi về quản lý.

Ngoài ra, bà cũng xác định là 05 đám ruộng ở S và 01 đám ở xứ A, xã M theo Quyết định 2047 không phải là các thửa đất mà hiện nay bà đang thực hiện việc khiếu nại. Cuối năm 1979, do sợ ảnh hưởng việc học của các con sau này nên vợ chồng bà có xin mẹ bà 05 đám ruộng ở S, 01 đám ở xứ A và vợ chồng bà đã ký đơn xin đưa các đám ruộng trên vào Hợp tác xã. Đúng 02 tháng sau, Hợp tác xã xóa tên vợ chồng bà ra khỏi Hợp tác xã, khi đó vợ chồng bà mới làm được 120 điểm; mặc dù Hợp tác xã xóa tên vợ chồng bà ra khỏi Hợp tác xã nhưng không trả lại các đám ruộng nói trên cho vợ chồng bà. Bà xác định là hiện nay, bà chỉ khiếu nại đòi Nhà nước giao lại và công nhận quyền sử dụng

đất các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 cho bà; còn 05 đám ruộng ở S và 01 đám ở xứ A thì bà không có yêu cầu đòi lại hoặc có ý kiến gì khác.

Hiện nay, tại vị trí các thửa đất mà bà đang khiếu nại thuộc dự án năng lượng mặt trời. Vào khoảng tháng 7/2020, bà có đến trồng trụ sắt và giăng dây thép toàn bộ các thửa đất mà bà đang khiếu nại đòi lại. Hiện nay, các thửa đất nói trên vẫn là đất trống, còn dự án năng lượng mặt trời đã triển khai làm từ tháng 6/2020 và vẫn chưa đụng chạm gì đến phần đất mà bà đang khiếu nại.

Ngoài ra, bà cũng thống nhất tổng diện tích các thửa đất 49, 51, 58, 59, 60 là 1.705,3m²; toàn bộ là đất trống nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất nói trên.

4. Các tài liệu, chứng cứ mà bà cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản photo Tờ thuận phân chia gia tài của cụ Nguyễn L; Tờ thuận phân chia gia tài của cụ Nguyễn L chỉ có các anh em trong gia đình của ông ngoại bà ký chứ không có xác nhận của chính quyền địa phương. Bà xác định là các thửa đất được phân chia cho cụ Nguyễn L trong Tờ thuận phân chia gia tài của cụ Nguyễn L là thửa ruộng Hóc hội 05 thửa số hiệu 96, 97, 98, 99, 100 là các thửa đất mà hiện nay bà đang thực hiện việc khiếu nại đòi lại. Sau khi cụ Nguyễn L chết có giao lại 05 thửa đất nói trên cho ông ngoại bà là cụ Nguyễn O, việc giao đất nói trên không có giấy tờ.

5. Đối với thửa đất theo Bản đồ địa chính Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ cấp cho cụ Nguyễn O và cụ Nguyễn L mà bà đã cung cấp cho Tòa (05 bản photo) bà cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì vì các thửa đất này không phải là các thửa đất mà hiện nay bà đang khiếu nại đòi lại.

6. Bà xác định ngoài Tờ thuận phân chia gia tài của cụ Nguyễn L thì bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nguồn gốc các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 là của gia đình bà.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, bà Lê Thị Hồng N còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà N không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn T Thanh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trình bày:

Nội dung khiếu nại: Bà Lê Thị Hồng N khiếu nại yêu cầu giao trả lại ruộng, đất gồm 05 đám ở Suối Gỏ và 01 đám ở xứ A, xã M có nguồn gốc của ông ngoại bà là cụ Nguyễn O và cụ Nguyễn L (*Em của cụ Nguyễn O*) chuyển nhượng cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị L sử dụng. Đến năm 1977, bà L chia lại cho vợ chồng bà sử dụng; khi gia đình bà vào Hợp tác xã thì đất này bị lấy lại để đấu giá.

1. Kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ vụ việc:

Đất bà N đòi giao lại thuộc các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ 299/TTg*) có tổng diện tích là $1.600m^2$ tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (*nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là $1.705,3m^2$*) có nguồn gốc trước năm 1975 là của dòng họ Nguyễn (*Cụ Nguyễn O và cụ Nguyễn L*). Sau năm 1975, đất này do Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý, sử dụng trồng cỏ và trại chăn nuôi bò; do chăn nuôi không hiệu quả, đất này bỏ trống, có một số lần gia đình bà Nguyễn Thị L vào gieo mạ để trồng lúa.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp hộ bà Nguyễn Thị L (*Trong đó có bà Lê Thị Hồng N và chồng là ông Phạm Văn Đ*) được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng diện tích $16.530m^2$ đất tại Quyết định số 294/QĐ-UB ngày 20/6/1997 và cấp GCN 01973, gồm 06 thửa đất mòng lúa (451, 452, 457, 262, 466, 469), 06 thửa đất mòng màu (313, 370, 378, 426, 443, 444); $200m^2$ đất ở và $800m^2$ đất vườn (*thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 3*) được đăng ký trong sổ Địa chính - Quyền số 2, trang 114, thôn V, xã M, huyện P.

Các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 bà N khiếu nại đòi giao lại là đất do Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý và đăng ký vào Hồ sơ địa chính (*Sổ mục kê - Quyền số 1, trang 1, thôn V, xã M, huyện P*). Đến năm 2005, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M giao lại cho UBND xã M để tổ chức đấu giá cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu; theo đó, các ông Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D trúng đấu giá; các thửa đất nói trên hiện nay do ông T, ông H và ông D trồng cây lúa, cây keo và cây bạch đàn.

2. Kết quả giải quyết khiếu nại của bà N:

Ngày 05/8/2019, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định 4644 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà N; nội dung: “*Không công nhận nội dung đơn của bà Lê Thị Hồng N khiếu nại yêu cầu UBND xã M giao lại và công nhận quyền sử dụng các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 1 - Bản đồ 299/TTg (nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 - Bản đồ địa chính VLAP) để bà sử dụng là không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai... ”*

Không đồng ý với quyết định nói trên, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, kết quả đối thoại và đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định tại Văn bản số 54/BC-STNMT ngày 01/4/2020 và Văn bản số 1253/STNMT-TTRA ngày 22/5/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định 2047 với nội dung:

“*Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Lê Thị Hồng N ở thôn A, xã M, huyện P. Việc bà Lê Thị Hồng N yêu cầu giao lại các thửa đất số*

49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 tại xã M, huyện P có nguồn gốc của ông ngoại bà là ông Nguyễn O và ông Nguyễn L (Em ông O) chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L (mẹ của bà) sử dụng. Đến năm 1977, bà L chia lại cho vợ chồng bà sử dụng; khi gia đình bà vào Hợp tác xã thì đất này bị lấy lại để đấu giá là không có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật về đất đai; vì:

- Qua đối chiếu sơ đồ đất tại các Bản sao địa đồ - Đại Nam Trung Kỳ Chánh Phủ cấp cho ông Nguyễn O và ông Nguyễn L ngày 09/6/1935 với các thửa đất tại Bản đồ 299/TTg, Bản đồ địa chính VLAP và kết quả kiểm tra tại thực địa cho thấy: Không có sự trùng hợp nào về vị trí thửa đất, ranh giới và hình thể thửa đất sau năm 1975, các thửa đất nêu trên do Hợp tác xã nông nghiệp 1 M sử dụng vào mục đích trồng cỏ và trại chăn nuôi, đã đăng ký trong Hồ sơ địa chính. Sau khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, các thửa đất này do UBND xã M quản lý và đã nhiều lần tổ chức đấu giá cho người dân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, khi thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, Nhà nước đã cân đối giao quyền sử dụng 16.530m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L (trong đó có bà Lê Thị Hồng N và chồng là Phạm Văn Đ).

- Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Lê Thị Hồng N là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định 2047 là đúng quy định của pháp luật; do đó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N về việc yêu cầu hủy quyết định nói trên.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Hồ Ngọc Chánh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

Chủ tịch UBND huyện P thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Quyết định 4644 được ban hành đúng quy định; do đó, Chủ tịch UBND huyện P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N về việc yêu

cầu Tòa án hủy quyết định nói trên.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND huyện P không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Thái Bình - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định trình bày:

Trước năm 1975, các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ 299/TTg) có tổng diện tích là 1.600m² nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là 1.705,3m² (Bản đồ địa chính VLAP) là đất chưa sử dụng, có nguồn gốc của dòng họ Nguyễn canh tác, sản xuất; sau năm 1975, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý sử dụng làm trại và trồng cỏ chăn nuôi bò, do chăn nuôi không hiệu quả trại bò nên vùng đất này bỏ trống, sau đó gia đình bà Nguyễn Thị L (mẹ bà N) có đến canh tác trồng lúa.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, các thửa đất nói trên không giao cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý và sử dụng mà giao cho Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý (tổ chức kinh tế tập thể) được đăng ký tại sổ mục kê - Quyền số 1, trang 1, thôn V, xã M, huyện P. Tuy nhiên, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M không sử dụng; đến năm 2005, UBND xã M đưa vào bộ đầu giá ruộng đất dự phòng quản lý và tổ chức đấu giá cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất vào mục đích đất nông nghiệp. Trong quá trình tổ chức đấu giá, các ông Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D trúng đấu giá và trực tiếp sản xuất.

Sau năm 1975, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý đối với các thửa đất nói trên, gia đình bà N có một thời gian canh tác nhưng không hiệu quả; sau đó không canh tác nữa và ông Huỳnh G tiếp tục canh tác. Gia đình bà N không thực hiện việc quản lý, đăng ký kê khai nộp thuế đối với các thửa đất nói trên.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, hộ bà Nguyễn Thị L (Trong đó có bà Lê Thị Hồng N và chồng là ông Phạm Văn Đ) được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng diện tích 16.530m² đất tại Quyết định số 294/QĐ-UB ngày 20/6/1997 và cấp GCN 01973, gồm 06 thửa đất ruộng lúa (451, 452, 457, 262, 466, 469), 06 thửa đất ruộng màu (313, 370, 378, 426, 443, 444); 200m² đất ở và 800m² đất vườn (thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 3) được đăng ký trong sổ Địa chính - Quyền số 2, trang 114, thôn V, xã M, huyện P. Tại thời điểm thực hiện việc cân đối giao quyền nói trên, hộ bà L không có khiếu nại hoặc có ý kiến gì khác đối với các thửa đất đã được cân đối giao quyền và sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp.

Việc bà N khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số

49, 51, 58, 59, 60 cho bà quản lý, sử dụng theo quy định là không có căn cứ. Do đó, Chủ tịch UBND xã M và UBND xã M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản 33.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND xã M và UBND xã M không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông M Xuân Thuởng - Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp 1 M trình bày:

Sau năm 1975, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M được giao quản lý, sử dụng trồng cỏ và trại chăn nuôi bò tại các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ 299/TTg) có tổng diện tích là 1.600m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là 1.705,3m²).

Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý và đăng ký vào Hồ sơ địa chính (Sổ mục kê - Quyển số 1, trang 1, thôn V, xã M, huyện P). Đến năm 2005, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M giao lại cho UBND xã M để tổ chức đấu giá cho hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và hiện nay Hợp tác xã nông nghiệp 1 M không còn liên quan gì đến các thửa đất nói trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, Hợp tác xã nông nghiệp 1 M không có trình bày hoặc yêu cầu phản tố, độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Hồng N, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Kim L, chị Phạm Thị P, anh Phạm Lê H, chị Phạm Thủy T thống nhất trình bày:

Chị N, chị V, chị L, chị P, anh H, chị T là con của bà Lê Thị Hồng N. Những người nói trên thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà N; ngoài ra, không có ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn T, ông Huỳnh Văn D và ông Nguyễn Văn H thống nhất trình bày:

Vào năm 2005, UBND xã M tổ chức đấu giá ruộng đất dự phòng tại địa phương và các ông Phạm Văn T, Huỳnh Văn D, Nguyễn H đã trúng đấu giá theo quy định. Hiện nay, thửa đất mà bà Lê Thị Hồng N đang khiếu nại có 3 người đang trực tiếp sản xuất, canh tác là Phạm Văn T, Nguyễn Văn Hoa và Huỳnh Văn D; tất cả các ông đều tham gia đấu giá đất theo quy định và hiện nay đang sử dụng trồng cây lâu năm. Tại thời điểm UBND xã M tổ chức đấu giá ruộng đất vào năm 2005, cá nhân các ông biết được thông tin đấu giá trên đài truyền thanh xã, hình thức đấu giá công khai theo từng thửa đất, ai trả cao nhất thì người đó trúng đấu giá. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, các ông không có yêu cầu độc

lập hoặc trình bày nào khác vì cá nhân các ông chỉ đi thuê đất dự phòng của UBND xã M để canh tác chứ không có liên quan gì đến việc đòi đất của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng Hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Án lệ số 27/2019/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 22/8/2019 và được công bố theo Quyết định số 293/QĐ-CA ngày 09/9/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N về việc yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 33/CV-UBND ngày 02/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Định; Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định và Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3//2021, người khởi kiện bà Lê Thị Hồng N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Hồng N không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính và về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Bà Lê Thị Hồng N khởi kiện cho rằng các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (*Bản đồ 299/TTg*) có tổng diện tích là 1.600m² tọa lạc tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (*nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32 có tổng diện tích là 1.705,3m² - Bản đồ địa chính VLAP*) có nguồn gốc của ông bà quản lý sử dụng từ trước năm 1945, đến năm 1965 mẹ bà là bà Nguyễn Thị L và bà tiếp tục canh tác, sử dụng. Ngày 26/9/2002, mẹ bà Nguyễn Thị L lập di chúc để các thửa đất nêu trên cho bà và di chúc đã được UBND xã M chứng thực vào ngày 26/9/2002. Đây là đất tư của gia đình bà, không đưa vào Hợp tác xã, gia đình bà sử dụng ổn định liên tục cho đến năm 2007 thì UBND xã M tổ chức đấu giá và người trúng đấu giá sử dụng cho đến nay, bà đã liên tục khiếu nại.

[1.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà N cung cấp các chứng cứ như sau: Bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn O ngày 09/6/1935; tờ thuận phân chia gia tài của ông Nguyễn L ngày 07/9/1959; bảng di chúc của bà Nguyễn Thị L ngày 26/9/2002 và giấy xác nhận của các ông bà Lê D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị Đ và Phạm Thị M.

[1.2] Tuy nhiên, các chứng cứ do bà N xuất trình không có căn cứ để tin cậy và không có cơ sở để xem xét; cụ thể như sau:

- Bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn O và ông Nguyễn L ngày 09/6/1935 và Tờ thuận phân chia gia tài của ông Nguyễn L ngày 07/9/1959:

+ Theo xác định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thì các sơ đồ thửa đất tại các bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn O và ông Nguyễn L ngày 09/6/1935, không có sự trùng hợp về vị trí thửa đất, ranh giới và hình thể thửa đất so với các thửa đất bà N khiếu nại tại Bản đồ 299/TTg và Bản đồ địa chính VLAP.

+ Tờ thuận phân chia gia tài của ông Nguyễn L ngày 07/9/1959, thể hiện phân chia tài sản của ông L cho 02 ông; ông Nguyễn O (*cha của bà Nguyễn Thị L*) và ông Nguyễn L. Ông Nguyễn O được chia 04 thửa đất (*đám*) nhưng không có thửa đất nào có địa danh như bà N đang khởi kiện; bà N không có chứng cứ

chứng minh ông Nguyễn L việc ông L giao cho gia đình bà N sử dụng các thửa đất mà ông L được chia ngày 07/9/1959. Mặt khác, tại lời khai ngày 01/10/2020, bà N thừa nhận các thửa đất tại các bản trích lục địa bộ của chế độ cũ cấp cho ông Nguyễn O và ông Nguyễn L ngày 09/6/1935 không phải là các thửa đất bà N đang khiếu nại, khởi kiện trong vụ án này.

- Nội dung di chúc của bà L ngày 26/9/2002: *“Hôm nay, tôi già yếu di chúc lại cho con tôi tài sản ruộng đất tôi hiện có, con tôi toàn quyền sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01973 QSDĐ/D6 cấp ngày 20 tháng 6 năm 1997”* là các thửa đất khác không liên quan đến các thửa đất bà N đang khiếu nại, khởi kiện và bà N đã thừa nhận; *“các thửa đất mà tôi đang khiếu nại đòi lại không phải là các thửa đất mà nhà nước đã cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình tôi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01973 QSDĐ/D6 ngày 20 tháng 6 năm 1997”*.

- Xác nhận của các ông D, ông V, bà Đ và bà M về việc bà L mẹ bà N không vào Hợp tác xã là không đúng với lời khai bà N; tại lời khai của bà N vào ngày 01/10/2020, bà N thừa nhận việc đưa 05 đám ruộng ở S, 01 đám ở xứ A của bà L vào Hợp tác xã vào năm 1979 là phù hợp với việc các thửa đất bà N khởi kiện đứng tên Hợp tác xã nông nghiệp 1 M tại Hồ sơ địa chính.

[2] Việc bà N cho rằng gia đình bà sử dụng ổn định liên tục từ trước giải phóng năm 1975 và khi thực hiện việc đấu giá thì gia đình bà N đang sử dụng trồng lúa. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Những người trúng đấu giá (*các thửa đất mà bà N khởi kiện*) là các ông Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D có giấy xác nhận bà N là người sử dụng đất trước khi đất này đưa vào bán đấu giá cho các hộ dân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp (*kèm theo đơn khởi kiện bổ sung*). Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm thì ông Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D không khai việc bà N sử dụng đất mà chỉ khai tại thời điểm UBND xã M tổ chức đấu giá ruộng đất vào năm 2007, cá nhân các ông biết được thông tin đấu giá trên đài truyền thanh xã, hình thức đấu giá công khai theo từng thửa đất, ai trả cao nhất thì người đó trúng đấu giá và các ông tham gia đấu giá, trúng đấu giá và đang sử dụng đất đấu giá. Ngoài ra, ông Huỳnh Văn D còn cho rằng ông trực tiếp canh tác trên các thửa đất số 49, 51, 58 tờ bản đồ số 32 từ năm 2002 và đến năm 2012 thì ông đem keo lại lên trồng. Do đó, lời khai của các nhân chứng Phạm Văn T, Nguyễn Văn H và Huỳnh Văn D xác nhận bà N là người sử dụng đất đến năm 2007 chưa đủ căn cứ để xác định thời điểm sử dụng đất của bà N. Hơn nữa, từ năm 2007 bà N không sử dụng đất và những người trúng đấu giá đất đã sử dụng đất trong thời gian dài nhưng bà N không có khiếu nại, khởi kiện là đã thừa nhận quyền sử dụng đất của người khác.

Mặt khác, theo lời khai của ông Huỳnh G (*nguyên đội trưởng đội sản xuất*) là người có thời gian canh tác trên các thửa đất bà N đang khởi kiện cũng khai cho rằng thửa đất bà N đang khởi kiện là đất công quả chung của dòng họ Nguyễn; bà N có sử dụng một thời gian 1-2 năm, sau đó ông G tiếp tục sử dụng một thời gian thì bỏ hoang; lời khai của ông Nguyễn Đình Đ (*bí thư chi bộ thôn và là người trong dòng họ bà N*) và ông M Xuân T (*giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp I M*) cũng khai các thửa đất bà N đang khởi kiện là đất công quả chung của dòng họ Nguyễn, không phải là đất tư nhân của bà N và đất này từ năm 1978-1979 do Hợp tác xã quản lý mở trại bò và vùng cỏ chăn nuôi bò; sau một thời gian sử dụng không hiệu quả đã bỏ hoang và sau đó giao lại cho UBND xã M quản lý là phù hợp với hồ sơ địa chính và Bản đồ 299/TTg thể hiện: Các thửa đất số 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (*nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32*) là loại đất hoang chưa sử dụng (*Hg*) và theo sổ mục kê - Quyền số 1, trang 1, thôn V, xã M, huyện P các thửa đất 14, 15, 28, tờ bản đồ số 01 (*nay là các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60, tờ bản đồ số 32*) do Hợp tác xã nông nghiệp 1 M quản lý và đăng ký vào Hồ sơ địa chính. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ bà Lê Thị Hồng N đăng ký trong sổ Địa chính - Quyền số 2, trang 114, thôn V, xã M và được Nhà nước giao quyền sử dụng diện tích 16.530m² đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01973 QSDĐ/D6 ngày 20 tháng 6 năm 1997 nhưng bà N không đăng ký, kê khai, không có tên trong sổ địa chính, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang khởi kiện nhưng gia đình bà N không có ý kiến hoặc khiếu nại đã chứng tỏ tại thời điểm thực hiện Nghị định số 64/CP, gia đình bà N không quản lý, sử dụng đất đối với các thửa đất đang khởi kiện.

Từ các căn cứ nêu trên, cho thấy việc bà N cho rằng gia đình bà N quản lý, sử dụng ổn định liên tục các thửa đất các thửa đất số 49, 51, 58, 59, 60 tờ bản đồ số 32 xã M từ trước năm 1975 đến năm 2006 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng N.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Hồng N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N về các yêu cầu sau đây:

- Hủy Văn bản số 33/CV-UBND ngày 02/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định;

- Hủy Quyết định số 4644/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

- Hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh